

Số: 1226 /QĐ-KHTN

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Ban hành Quy định Chế độ làm việc của viên chức, người lao động
Trường Đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQG-HCM

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 1506/QĐ-ĐHQG ngày 14 tháng 11 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt Đề án đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Khoa học Tự nhiên giai đoạn 2022-2025;

Theo đề nghị của Trường phòng Phòng Tổ chức – Hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định Chế độ làm việc của viên chức, người lao động Trường Đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQG-HCM.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TCHC.



HIỆU TRƯỞNG

Trần Lê Quan

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2024

QUY ĐỊNH

Chế độ làm việc của viên chức, người lao động Trường Đại học Khoa học tự nhiên, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1226/QĐ-KHTN ngày 07 tháng 6 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQG-HCM)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Văn bản này cụ thể hóa Quy định chế độ làm việc đối với Giảng viên ban hành theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Văn bản này quy định chi tiết chế độ làm việc đối với viên chức, người lao động (VC-NLĐ) tại Trường Đại học Khoa học tự nhiên, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (Trường ĐH KHTN).

3. Văn bản này quy định mức giờ chuẩn, phương thức quy đổi khối lượng giảng dạy và khối lượng Nghiên cứu khoa học (NCKH) đối với viên chức, người lao động ở ngạch Giảng viên (GV), ngạch Nghiên cứu viên (NCV), ngạch Kỹ thuật viên (KTV) trong Trường Đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQG-HCM.

4. Văn bản này không áp dụng đối với giảng viên thỉnh giảng, các nhà khoa học, chuyên gia trong và ngoài nước được mời giảng dạy tại Trường ĐH KHTN nhưng không là viên chức của Trường.

Điều 2. Mục đích

1. Căn cứ để Hiệu trưởng kiểm tra, xây dựng, thẩm định và đánh giá chính sách, chương trình đào tạo, bồi dưỡng viên chức, người lao động.

2. Căn cứ để các Trường đơn vị xây dựng kế hoạch năm học; phân công, bố trí, sử dụng hợp lý nguồn nhân lực; tăng cường hiệu lực công tác quản lý và nâng cao chất lượng, hiệu quả lao động đối với viên chức, người lao động.

3. Cơ sở để Hội đồng thi đua khen thưởng Trường ĐH KHTN đánh giá, xếp loại viên chức, người lao động hàng năm; đảm bảo công khai, công bằng, dân chủ trong việc thực hiện chế độ, chính sách, quyền và nghĩa vụ của viên chức, người lao động.

4. Cơ sở để viên chức, người lao động chủ động xây dựng kế hoạch công tác, giảng dạy, nghiên cứu khoa học, học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

Điều 3. Các quy định chung

1. Thời gian làm việc

Thời gian làm việc của VC-NLĐ theo chế độ làm việc 40 giờ/tuần. Tổng quỹ thời gian làm việc của VC-NLĐ được quy định trong 01 năm là 44 tuần (tương đương 1760 giờ hành chính), sau khi đã trừ số ngày nghỉ theo quy định của pháp luật, để thực hiện các công việc được giao theo nghĩa vụ tương ứng với vị trí công việc và chức danh được đảm nhiệm.

2. Giờ chuẩn giảng dạy

a) Giờ chuẩn giảng dạy là đơn vị thời gian quy đổi từ số giờ lao động cần thiết để hoàn thành một khối lượng công việc nhất định thuộc nhiệm vụ giảng dạy tương đương với một tiết giảng lý thuyết trình độ đại học trực tiếp trên lớp (hoặc giảng dạy trực tuyến), bao gồm thời gian lao động cần thiết trước, trong và sau tiết giảng.

b) Thời gian giảng dạy trong kế hoạch đào tạo được tính bằng giờ chuẩn giảng dạy, trong đó một tiết giảng lý thuyết trình độ đại học trực tiếp trên lớp (hoặc giảng dạy trực tuyến) 50 phút được tính bằng một giờ chuẩn giảng dạy.

3. Định mức khối lượng công việc

a) Định mức khối lượng công việc của ngạch Giảng viên bao gồm trợ giảng, giảng viên, giảng viên chính và giảng viên cao cấp được quy định cho một năm, bao gồm định mức giờ chuẩn giảng dạy, định mức giờ NCKH và định mức giờ thực hiện các nhiệm vụ khác (sau đây gọi tắt là nhiệm vụ khác). GV được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ khi hoàn thành đủ số giờ làm việc quy đổi cho từng nhiệm vụ sau khi đã được cân đối xét chuyển đổi bù đắp giữa các nhiệm vụ.

b) Định mức khối lượng công việc của Nghiên cứu viên được quy định cho một năm, bao gồm định mức giờ NCKH và định mức giờ thực hiện các nhiệm vụ khác (sau đây gọi tắt là nhiệm vụ khác). NCV được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ khi hoàn thành đủ số giờ làm việc quy đổi cho từng nhiệm vụ sau khi đã được cân đối xét chuyển đổi bù đắp giữa các nhiệm vụ.

c) Định mức khối lượng công việc của Kỹ thuật viên được quy định cho một năm, bao gồm định mức giờ phục vụ giảng dạy (hỗ trợ, hướng dẫn sinh viên thực hành, thí nghiệm, chuẩn bị thực hành thí nghiệm...) và định mức giờ thực hiện các nhiệm vụ khác (sau đây gọi tắt là nhiệm vụ khác). KTV được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ khi hoàn thành đủ số giờ làm việc quy đổi cho từng nhiệm vụ.

4. Chi tiết các nhiệm vụ công việc

a) Nhiệm vụ Giảng dạy (NV1): bao gồm các hoạt động như giảng dạy lý thuyết, bài tập; thực hành thí nghiệm; hướng dẫn, phản biện, tham gia hội đồng luận án, luận văn, khóa luận, đồ án, chuyên đề, soạn thảo đề cương môn học, soạn bài giảng, bài tập, ra đề kiểm tra, thi, chấm bài kiểm tra, ...; tương tác, trao đổi với sinh viên trực tiếp, qua các phương tiện truyền thông và tương tác trên hệ thống e-learning của Trường, ... Chi tiết về quy đổi giờ chuẩn và giờ làm việc cho các hoạt động giảng dạy được quy định tại **Phụ lục 1**.

b) Nhiệm vụ Nghiên cứu khoa học (NV2): bao gồm các hoạt động khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo (ĐMST) và chuyển giao công nghệ (CGCN) như công bố bài báo khoa học, báo cáo hội nghị khoa học, sở hữu trí tuệ; chủ nhiệm, tham gia đề tài NCKH; đề án/dự án KHCN và CGCN; phản biện, hội đồng đánh giá nghiệm thu đề tài, đề án NCKH; chủ trì và tham gia tổ chức các hội nghị khoa học; chủ trì, tham gia các hoạt động ĐMST và khởi nghiệp. Chi tiết về quy đổi giờ NCKH được quy định tại **Phụ lục 2**.

c) Nhiệm vụ phục vụ cộng đồng và các nhiệm vụ chuyên môn khác (NV3): bao gồm tuân thủ thời gian, quy định làm việc của đơn vị và các nhiệm vụ liên quan được quy định tại **Phụ lục 3** của Trường và các nhiệm vụ do Trường đơn vị quản lý VC-NLĐ phân công.

d) Các **Phụ lục 1, 2, 3 và 4** được chỉnh sửa, cập nhật hàng năm.

5. Chế độ làm việc vượt định mức lao động

a) Trong một năm, GV, NCV, KTV tham gia giảng dạy, hoạt động NCKH, phục vụ cộng đồng và thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn khác vượt định mức được hưởng chế độ làm việc vượt định mức theo quy định. Hiệu trưởng căn cứ các quy định hiện hành của nhà nước và điều kiện thực tế của đơn vị để quyết định chế độ chi trả các chính sách cho phù hợp.

b) Thời gian làm việc vượt định mức của GV, NCV, KTV hằng năm không được vượt quá thời gian theo quy định của pháp luật về lao động.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ THỜI GIAN LÀM VIỆC, GIỜ CHUẨN GIẢNG DẠY VÀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Điều 4. Định mức thời gian làm việc

1. Thời gian làm việc của viên chức hành chính thực hiện theo chế độ mỗi tuần làm việc 40 giờ và giờ làm việc bắt đầu mỗi ngày là 7g30 – 11g30, chiều từ 13g00 – 17g00.

2. Thời gian làm việc của giảng viên, nghiên cứu viên:

a) Thực hiện theo chế độ 40 giờ/tuần và được xác định theo năm học là 44 tuần (tương đương 1.760 giờ hành chính), để thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng và các nhiệm vụ chuyên môn khác, sau khi trừ số ngày nghỉ theo quy định

b) Một giờ chuẩn giảng dạy trong định mức bằng 03 giờ hành chính.

c) Định mức thời gian làm việc đối với ngạch GV và NCV trong năm được quy định như trong Bảng 1.

Bảng 1: Quy định về định mức thời gian làm việc (tính theo giờ hành chính)

Số	Chức danh, trình độ	NV1 giờ hành chính (giờ chuẩn giảng dạy)	NV2	NV3	Tổng
A	Ngạch Giảng viên				
1	Giảng viên	900 (300)	600	260	1760
2	Trợ giảng	600 (200)	300	860	1760
B	Ngạch Nghiên cứu viên				
1	Nghiên cứu viên cao cấp	0	1500	260	1760
2	Nghiên cứu viên chính	0	1200	560	1760
3	Nghiên cứu viên	0	900	860	1760
4	Trợ lý nghiên cứu	0	600	1160	1760

Ghi chú:

- *Nhiệm vụ 1 (NV1): giờ chuẩn giảng dạy.*
- *Nhiệm vụ 2 (NV2): giờ nhiệm vụ nghiên cứu khoa học.*
- *Nhiệm vụ 3 (NV3): giờ nhiệm vụ phục vụ cộng đồng và các nhiệm vụ khác.*

d) Giảng viên thực hiện theo định mức thời gian làm việc ở Bảng 1; trong đó, giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp (hoặc giảng dạy trực tuyến) phải đảm bảo tối thiểu 50% định mức quy định. Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp (hoặc giảng dạy trực tuyến) được tính cho các lớp hệ chính quy đại học (chương trình chính quy chuẩn và chương trình đề án) và sau đại học là các giờ giảng các môn học lý thuyết, bài tập, môn học thực hành.

e) Giảng viên phải thực hiện các hoạt động giảng dạy khác tại Bộ môn/Khoa theo sự phân công của đơn vị trong thời gian làm việc hành chính của nhà trường; việc này được tính điểm ở NV3.

3. Thời gian làm việc của Kỹ thuật viên thực hiện theo chế độ 40 giờ/tuần và được xác định theo năm học là 44 tuần (tương đương 1.760 giờ hành chính), để thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ phục vụ giảng dạy (hỗ trợ, hướng dẫn sinh viên thực hành, thí nghiệm, chuẩn bị thực hành, thí nghiệm, vận hành máy móc, thiết bị phục vụ thí nghiệm...) và các nhiệm vụ khác (như NCV), sau khi trừ số ngày nghỉ theo quy định; Khoa/Phòng thí nghiệm căn cứ trên các quy định về chế độ làm việc đặc thù của ngành nghề, quy định tỉ lệ giữa giờ làm việc trực tiếp công tác hỗ trợ, hướng dẫn và giờ chuẩn bị thực hành, thí nghiệm.

4. Ngoài ra, khi VC-NLĐ muốn làm việc trong thời gian nhà trường không hoạt động, nghỉ lễ cần phải có kế hoạch và được Hiệu trưởng phê duyệt.

5. Khi VC-NLĐ tham gia các hoạt động bên ngoài nhà trường như thỉnh giảng, làm việc ở đơn vị bên ngoài trường, VC-NLĐ phải bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ tại Trường; đưa kế hoạch thỉnh giảng, làm việc vào chương trình công tác; phải báo cáo cho Hiệu trưởng và được Hiệu trưởng phê duyệt.

6. Việc đánh giá và quy đổi (theo giờ hành chính) nhiệm vụ khác của GV và NCV do Trường đơn vị quyết định.

Điều 5. Định mức giờ chuẩn giảng dạy và giờ nghiên cứu khoa học đối với giảng viên, nghiên cứu viên kiêm nhiệm công tác quản lý, Đảng, đoàn thể, lãnh đạo chuyên môn

1. Việc quy đổi các nhiệm vụ chuyên môn ra giờ chuẩn giảng dạy được quy định tại **Phụ lục 1** về Hướng dẫn quy đổi nhiệm vụ chuyên môn và các nhiệm vụ khác ra giờ chuẩn giảng dạy; Việc quy đổi các nhiệm vụ ra giờ nghiên cứu khoa học được quy định tại **Phụ lục 2** về Hướng dẫn quy đổi thời gian thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học ra giờ nghiên cứu khoa học.

2. Giảng viên được bổ nhiệm chức vụ quản lý hoặc kiêm nhiệm công tác quản lý, công tác Đảng, đoàn thể (trừ GV giáo dục quốc phòng và an ninh), các vị trí lãnh đạo chuyên môn có nghĩa vụ giảng dạy và NCKH tối thiểu theo định mức tại Bảng 2.

Bảng 2: Định mức giờ chuẩn giảng dạy và giờ nghiên cứu khoa học tối thiểu đối với giảng viên, nghiên cứu viên kiêm nhiệm công tác quản lý

STT	Chức vụ	Định mức tối thiểu giờ chuẩn giảng dạy (a)	Định mức tối thiểu giờ NCKH (b)
1	Chủ tịch Hội đồng, Hiệu trưởng	15%	15%
2	Phó Chủ tịch Hội đồng trường, Phó Hiệu trưởng	20%	20%
3	Thư ký Hội đồng trường	25%	25%
4	Trưởng phòng và các chức danh tương đương	25%	25%
5	Phó Trưởng phòng và các chức danh tương đương	30%	30%
6	Trưởng khoa đối với khoa có 40 GV trở lên hoặc có quy mô 800 người học trở lên (*)	60%	60%
	7.1. Phó trưởng khoa đối với khoa có 40 GV trở lên hoặc có quy mô 800 người học trở lên (*)	70%	70%

STT	Chức vụ	Định mức tối thiểu giờ chuẩn giảng dạy (a)	Định mức tối thiểu giờ NCKH (b)
7	7.2. Trưởng khoa đối với khoa có dưới 40 GV hoặc có quy mô dưới 800 người học (*)		
	7.3. Giám đốc trung tâm trực thuộc trường, Viện trưởng, Trưởng phòng thí nghiệm cấp trường (*)		
8	8.1. Phó trưởng khoa đối với khoa có dưới 40 GV hoặc có quy mô dưới 800 người học (*)	80%	80%
	8.2. Trưởng bộ môn, Trưởng phòng thí nghiệm cấp khoa		
	8.3. Phó Giám đốc trung tâm trực thuộc trường, Phó Viện trưởng, Phó Trưởng phòng thí nghiệm cấp trường (*)		
9	9.1. Phó trưởng bộ môn, Phó Trưởng phòng thí nghiệm cấp khoa	85%	85%
	9.2. Chủ nhiệm lớp, Cố vấn học tập (**)		
10	Bí thư đảng ủy	15%	15%
11	Phó Bí thư đảng ủy	30%	30%
12	Bí thư chi bộ, Trưởng ban thanh tra nhân dân, Trưởng ban nữ công, Chủ tịch Hội Cựu chiến binh	85%	85%
13	Phó Bí thư chi bộ	90%	90%
14	Giảng viên làm công tác đoàn thanh niên, hội sinh viên, hội liên hiệp thanh niên thực hiện theo Quyết định số 13/2013/QĐ-TTg ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chế độ, chính sách đối với cán bộ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Sinh viên Việt Nam, Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam trong các cơ sở giáo dục và cơ sở dạy nghề.		
14.1	Kiểm nhiệm Bí thư Đoàn khối CBT	85%	85%
14.2	Kiểm nhiệm Phó bí thư Đoàn khối CBT	90%	90%
15	GV đang là quân nhân dự bị, tự vệ được triệu tập huấn luyện, diễn tập hằng năm, thời gian tham gia huấn luyện, diễn tập được tính quy đổi một ngày làm việc bằng 2,5 giờ chuẩn giảng dạy.		

STT	Chức vụ	Định mức tối thiểu giờ chuẩn giảng dạy (a)	Định mức tối thiểu giờ NCKH (b)
16	GV làm công tác công đoàn không chuyên trách trong các cơ sở giáo dục đại học thực hiện theo quy định tại Thông tư số 08/2016/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 03 năm 2016 của Bộ trưởng BGD&ĐT		
16.1	Chủ tịch Công đoàn trường, Phó Chủ tịch Công đoàn trường	60%	60%
16.2	Ủy viên Ban chấp hành Công đoàn trường Chủ tịch/Phó Chủ tịch Công đoàn phòng, khoa và tương đương	85%	85%
17	Giảng viên, Trợ giảng đang học Nghiên cứu sinh	50%	100%
18	Trợ giảng đang học Cao học	50%	50%

- (a): Đối với giảng viên

- (b): Đối với giảng viên, nghiên cứu viên

- (*) Tra cứu **Phụ lục 4**

- (**) Các Chủ nhiệm lớp là GV hay Cố vấn học tập phải hoàn thành nhiệm vụ công tác chủ nhiệm lớp hay công tác cố vấn học tập mới được hưởng định mức tối thiểu nêu trên.

3. Giảng viên kiêm nhiệm nhiều chức vụ quản lý, được quy định chỉ thực hiện một định mức giờ chuẩn giảng dạy thấp nhất.

Điều 6. Quy định về nghiên cứu khoa học

1. Giảng viên phải dành ít nhất 1/3 tổng quỹ thời gian làm việc trong năm học để làm nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và được quy định cụ thể trong khoản 2, Điều 4.

2. Việc giao và triển khai thực hiện nhiệm vụ NCKH cho giảng viên, nghiên cứu viên phải phù hợp với điều kiện, tiềm lực khoa học, chiến lược phát triển của Trường và phù hợp với năng lực chuyên môn của giảng viên.

3. Giảng viên, nghiên cứu viên thực hiện quy đổi và kê khai giờ nghiên cứu khoa học việc thực hiện các hoạt động, nhiệm vụ NCKH theo Phụ lục 2. *Hướng dẫn quy đổi thời gian thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học ra giờ nghiên cứu khoa học.*

4. Phụ lục 2. *Hướng dẫn quy đổi thời gian thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học ra giờ nghiên cứu khoa học* được rà soát, điều chỉnh hằng năm nhằm đảm bảo việc triển khai các

nhiệm vụ khoa học của giảng viên, nghiên cứu viên phù hợp với mục tiêu, chiến lược phát triển của Trường và Khoa; phù hợp với đặc thù của từng đơn vị, trên cơ sở tham mưu của Phòng Khoa học Công nghệ, Phòng Thanh tra - Pháp chế, Phòng Tổ chức- Hành chính, các Khoa và Phòng thí nghiệm cấp Trường, để đảm bảo quyền lợi của viên chức, người lao động ngạch giảng viên, nghiên cứu viên.

5. Việc quy đổi giờ nghiên cứu khoa học trong năm học được tính đến khi đủ định mức số giờ hành chính tối đa trong năm học theo quy định. Các nhiệm vụ NCKH vượt mức tối đa số giờ hành chính trong năm học có thể được sử dụng để tích lũy vào năm học tiếp theo (số bài báo được chuyển cho năm sau không được sử dụng để hỗ trợ công bố khoa học hay khen thưởng công bố khoa học của Trường trong năm).

Điều 7. Quản lý khối lượng giảng dạy và nghiên cứu

1. VC-NLĐ phải tính định mức giảng dạy và phải kê khai khối lượng giảng dạy bao gồm các giảng viên có ít nhất một tháng làm việc trong năm (căn cứ theo dữ liệu của Trường) bao gồm: các khoa, trung tâm chịu trách nhiệm quản lý khối lượng giảng dạy của từng giảng viên thuộc quyền quản lý giảng dạy của đơn vị; Giảng viên thuộc đơn vị nào quản lý về mặt giảng dạy thì kê khai khối lượng giảng dạy theo đơn vị đó. Trường hợp giảng viên thuộc nhân sự của các trung tâm không có chức năng đào tạo thì phải đăng ký giảng dạy tại các khoa, phòng thí nghiệm cấp Trường (PTN), trung tâm có đào tạo; khối lượng giảng dạy của giảng viên được kê khai theo khoa, PTN, trung tâm đó.

2. Trong một năm, VC-NLĐ thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn vượt định mức (loại trừ khối lượng dùng để chuyển đổi giữa các nhiệm vụ) được hưởng chế độ làm việc vượt định mức theo quy định của pháp luật. Hiệu trưởng sẽ căn cứ các quy định hiện hành của Nhà nước và điều kiện thực tế để quyết định chế độ chi trả cho phù hợp. Thời gian làm việc vượt định mức của VC-NLĐ hằng năm không được vượt quá thời gian quy định của pháp luật về lao động.

3. Đối với giảng viên không hoàn thành nhiệm vụ giảng dạy (NV1) hoặc nhiệm vụ NCKH (NV2) theo quy định, Trường đơn vị căn cứ mức độ, tình hình thực tế của đơn vị và từng trường hợp cụ thể để quyết định đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ trong năm học, xếp loại thi đua của giảng viên, cho phép bù bằng giờ quy đổi từ giờ chuẩn giảng dạy sang giờ nghiên cứu khoa học và ngược lại. Giảng viên được bù **tối đa 50% giờ chuẩn NV1 hoặc 50% NCKH ở NV2** và chỉ được đánh giá xếp loại cao nhất là Hoàn thành tốt nhiệm vụ (HTTNV).

4. Tất cả VC-NLĐ đều phải thực hiện nhiệm vụ phục vụ cộng đồng và các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Trường và đơn vị.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Quy định này có hiệu lực từ ngày ban hành.
2. Trưởng các đơn vị thuộc, đơn vị trực thuộc Trường và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy định này.

Điều 9. Nguyên tắc điều chỉnh quy định

1. Các quy định trước đây trái với Quy định này đều bị bãi bỏ. Việc điều chỉnh, bổ sung các điều khoản trong Quy định do Hiệu trưởng quyết định.
2. Trong quá trình thực thi Quy định này, điều khoản nào trái với quy định của pháp luật hiện hành sẽ bị vô hiệu và áp dụng theo quy định của pháp luật; điều khoản nào không còn phù hợp với thực tiễn thì Hiệu trưởng Quyết định bãi bỏ hoặc sửa đổi, bổ sung.
3. Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề gì phát sinh, vướng mắc, Trưởng các đơn vị thuộc và Lãnh đạo các đơn vị trực thuộc Trường phản ánh kịp thời với Hiệu trưởng thông qua Phòng Tổ chức - Hành chính để nghiên cứu giải quyết./

